

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐÀO TẠO TÍN CHỈ

○ PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG*

Hiện nay, nhiều trường đại học đã áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ thay cho hình thức đào tạo theo niên chế. Tuy nhiên, nếu không có những biện pháp kèm theo thì chất lượng có thể bị giảm so với việc đào tạo theo hệ niên chế.

1. Có rất nhiều yếu tố cản trở việc nâng cao chất lượng. Sau đây chúng tôi chỉ xin đơn cử một số trường hợp hiện nay đang gặp:

1) *Thực tế ở các lớp học tín chỉ hiện nay là sĩ số sinh viên (SV) quá đông, tập hợp từ nhiều khoa, bộ môn khác nhau, do đó giáo viên (GV) không thể quản lí nổi, không thể điểm danh được. SV nếu không lên lớp theo quy định cũng chỉ bị mất 10% số điểm môn học (có trường đã bỏ quy định này, lấy lí do là học tín chỉ thì không bắt buộc về chuyên cần). Do vậy, nếu không có một công nghệ đánh giá có tính khoa học cao thì hiện tượng tiêu cực trong học tập, thi cử là điều không thể tránh khỏi. Sẽ có tình trạng một số SV ghi danh học, sau đó dựa vào sự may rủi và gian lận trong thi và kiểm tra để hoàn thành một tín chỉ.*

2) *Nhiều môn học thiếu giáo trình và tài liệu tham khảo, không ít SV thiếu tính tự giác trong học tập nhưng GV thì không có cách kiểm soát được, vì thế việc giảm thời gian lên lớp, tăng thêm thời gian tự học sẽ không làm tăng hiệu quả đào tạo mà còn làm cho những SV lười học càng lười thêm.*

3) *Việc đào tạo tín chỉ đòi hỏi SV chủ động nghiên cứu nhiều tài liệu để bổ sung cho giáo trình. Nguồn tài liệu phong phú hiện nay là thông tin, bài viết, tạp chí, sách điện tử, từ điển, bách khoa toàn thư, v.v... công bố trên mạng internet bằng tiếng nước ngoài (nhất là tiếng Anh). Thế nhưng, trở ngại lớn nhất hiện nay là trình độ ngoại ngữ của giảng viên và SV ở các trường đại học (có thể nói là quá yếu), do đó đại bộ phận giảng viên và SV không thể tiếp cận được với trình độ khoa học tiên tiến của thế giới.*

Nguyên nhân của tình trạng này không phải là ở chỗ học một ngoại ngữ là quá khó đối với giảng viên và SV. Ở Singapore, giảng viên và SV thông thạo hai thứ tiếng - tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh. Cùng ở trình độ như chúng ta thử hỏi tại sao họ làm được mà chúng ta thì không làm nổi. Vấn đề là ở sự quan tâm của xã

hội, nhà trường và yêu cầu của cả hệ thống giáo dục từ phổ thông lên đại học.

2. Để khắc phục tình trạng trên, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số biện pháp thực tiễn như sau:

1) *Cần phải có một công nghệ đánh giá cao, đảm bảo việc ra đề và thực hiện kiểm tra, thi cử thật sự nghiêm túc, khoa học. Cần phát huy vai trò của các tổ bộ môn trong việc biên soạn đề thi và kiểm tra; tùy thuộc vào tính chất môn học mà kết hợp nhiều hình thức: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, v.v... đảm bảo đề thi dàn trải toàn bộ chương trình môn học, nghĩa là phải có nhiều câu hỏi để tránh tình trạng may rủi, «trúng tủ». Một vấn đề đã và đang gây tranh luận là liệu có nên cho SV sử dụng tài liệu trong khi làm bài hay không? Theo chúng tôi, cần phải áp dụng nhiều hình thức đánh giá: bài tập, thảo luận, kiểm tra, viết tiểu luận, thi kết thúc học phần và tùy theo tính chất và yêu cầu của mỗi hình thức mà có thể cho hoặc không cho sử dụng tài liệu. Đối với những bài làm ở nhà (bài tập, tiểu luận, ...) không chỉ cho phép mà còn đòi hỏi SV phải biết sử dụng nhiều tài liệu khác nhau ngoài giáo trình. Điểm đánh giá SV đối với hình thức kiểm tra này phải phản ánh được khả năng tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu tài liệu của SV. Còn đối với bài thi cuối cùng cho một tín chỉ, yêu cầu SV nắm và ghi nhớ được những nội dung cơ bản của học phần, do đó không thể cho sử dụng tài liệu khi làm bài. Tuy nhiên, điểm đánh giá cuối cùng là điểm tổng hợp bao gồm việc nắm vững và ghi nhớ được những nội dung cơ bản của học phần; biết đọc và xử lí được nhiều tài liệu tham khảo khác nhau; tham gia trao đổi, thảo luận, giải bài tập trên lớp. Để thực hiện được giải pháp này, cần phải tổ chức lớp nhỏ (40-60 SV đối với những môn học lí thuyết; số lượng ít hơn đối với những môn có thực hành). Còn nếu lớp học trên dưới 100 như hiện nay chúng tôi đang giảng dạy thì tất cả những yêu cầu này không thể thực hiện tốt được.*

2) *Phải đảm bảo có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho SV học và nghiên cứu. Hiện nay, nhiều trường thực hiện chế độ bao cấp về giáo trình. Điều*

* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

này bộc lộ những nhược điểm nhất định. Vì SV phải hoàn tất *nhiều thủ tục rất rườm rà* mới được mượn giáo trình của thư viện, nên có tình trạng môn học bắt đầu được một tháng rồi mà SV vẫn chưa có tài liệu; khi mượn được cũng không đủ cho mỗi người một quyển. Do vậy, chúng tôi đề nghị *xóa bỏ chế độ bao cấp về giáo trình, sách giáo khoa*, buộc SV phải tự mua sách (ở hiệu sách hoặc ở các dịch vụ của thư viện) để ngay từ buổi học đầu tiên mỗi SV phải có sách học. Kinh phí do Nhà nước cấp cho thư viện nên dành cho việc mua sách và tài liệu tham khảo quý hiếm và đắt tiền để cho SV mượn đọc. Giảng viên và các bộ môn *cần hướng dẫn cụ thể về sách giáo khoa và tài liệu tham khảo* để SV biết mà mượn, mua hoặc truy cập trên mạng. Trang web của trường, khoa, bộ môn phải đảm nhận công việc này.

3) *Đảm bảo cho giảng viên và SV có đủ khả năng ngoại ngữ để đọc và xử lý thông tin bằng tiếng nước ngoài.* Trong các trường phổ thông ở nước ta, ngoại ngữ chưa được coi trọng đúng mức. Có một số không ít trường phổ thông chỉ bắt đầu dạy ngoại ngữ từ lớp 10, thử hỏi làm sao số học sinh này có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học đại học. Theo kinh nghiệm cá nhân, chúng tôi thấy rằng muốn sử dụng được ngoại ngữ ở bậc đại học thì học sinh phải bắt đầu học ngoại ngữ từ *lớp 3 phổ thông*. Còn một nguyên nhân nữa: các trường đại học không lấy ngoại ngữ làm điều kiện tiên quyết để xét tuyển, do đó học sinh phổ thông có xu hướng xếp ngoại ngữ sang một bên để lo luyện thi một số môn theo yêu cầu của khối thi.

Để giải quyết vấn đề này, có một số phương án. Hoặc là, chỉ nhận những hồ sơ thi vào đại học của những thí sinh *đã đạt một điểm số ngoại ngữ nhất định trong kì thi tốt nghiệp phổ thông* (trừ một số rất ít những đối tượng thuộc diện chính sách, cử tuyển); có như vậy mới đảm bảo mọi SV có thể sử dụng ngoại ngữ trong học tập ở đại học. Hoặc là, sau khi SV nhập học sẽ tổ chức một cuộc *sát hạch ngoại ngữ*. Những SV nào đủ điều kiện thì được miễn giảm học ngoại ngữ để tập trung vào học chuyên môn; những SV nào không đủ trình độ ngoại ngữ thì phải để ra một thời gian học thêm. Như vậy, số SV giỏi ngoại ngữ sẽ có điều kiện thuận lợi hơn trong việc rút ngắn thời gian học tập so với số SV yếu ngoại ngữ.

Phương pháp dạy ngoại ngữ cũng cần phải được đổi mới, *tập trung dạy những kiến thức ngoại ngữ gắn với chuyên môn*; còn ngữ pháp có thể để cho SV tự học.

Cần phải có yêu cầu cao về trình độ ngoại ngữ đối với giảng viên. *Những môn học chuyên ngành cần phải được giảng dạy bằng song ngữ*, mục đích là tạo điều kiện cho SV tập làm quen dần với những thuật ngữ, khái niệm chuyên môn bằng tiếng nước ngoài, và tốt nhất là giúp cho SV đọc được giáo

trình hoặc sách chuyên khảo bằng ngoại ngữ. Điều này tất nhiên đòi hỏi trước hết *giảng viên phải sử dụng được ngoại ngữ trong nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn của mình*. Thật ra học ngoại ngữ để đọc được một lĩnh vực chuyên môn không phải là khó lắm, chỉ có con người không chịu khó mà thôi. Nguyên nhân của tình trạng giảng viên yếu ngoại ngữ có một phần là ở chính sách của Bộ và các trường. Việc phân phối thu nhập theo khối lượng giờ giảng, ít quan tâm đến trình độ chuyên môn và ngoại ngữ có hậu quả là làm cho giảng viên ít quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn và học ngoại ngữ. Không ít giảng viên so sánh giữa việc bỏ thời gian, công sức và tiền của để học ngoại ngữ với việc tranh thủ dạy thêm để có thu nhập cao hơn.

Do đó chúng tôi đề nghị về phía Bộ và các trường cần có chính sách khuyến khích việc sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu và giảng dạy. Cần có chế độ ưu đãi trong việc thanh toán tiền giảng cho những giảng viên sử dụng được ngoại ngữ trong giảng dạy.

Trên đây là một số đề xuất cụ thể, có thể có những biện pháp khác tốt hơn, nhưng dù biện pháp nào đi nữa thì cũng *phải được chỉ đạo thực hiện một cách kiên quyết và theo một lộ trình nhất định*. Có như vậy những hoài bão về nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế mới và đưa nền giáo dục đại học Việt Nam lên ngang hàng các nước tiên tiến mới có thể thực hiện được. □